

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT**QUỸ ETF BVFVN DIAMOND**
BVFVN DIAMOND ETF

Hà Nội, ngày 13. tháng 08 năm 2026
Hanoi, August 13., 2026

-----***-----

Số: 747 /2026/BVF-QLQ

No.: 747 /2026/BVF-QLQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
REGULAR INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange.*

- Tên Công ty Quản lý Quỹ: **CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT (BVF)**
Name of the fund management Company: Bao Viet Fund Management Co., Ltd. (BVF)
 - Tên quỹ ETF niêm yết/ *Name of listed fund:* Quỹ ETF BVFVN DIAMOND/ *BVFVN DIAMOND ETF*
 - Mã chứng khoán/ *Securities code:* FUEBFVND
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Head office address:* Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội/ *12th Floor, Pacific Place Building No. 83B Ly Thuong Kiet, Cua Nam Ward, Hanoi City.*
 - Điện thoại/ *Phone number:* 024 3928 9589 Fax: 024 3928 9590
 - Email: baovietfund@baoviet.com.vn
 - Website: <https://baovietfund.com.vn/>

Loại thông tin công bố/ *Disclosure type:* Định kỳ/ *Regular*

- Nội dung thông tin công bố/ *Information disclosure content:*
Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ 06 tháng đầu năm 2026 Quỹ ETF BVFVN DIAMOND/ *First semi – annual summary report on Fund Management activities in 2026 of BVFVN DIAMOND ETF.*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ vào ngày 13.../08/2026 tại đường dẫn “<https://baovietfund.com.vn/san-pham/BVFFVND>”.
This information has been published on the Company/Fund's website on August 13., 2026 at the link “<https://baovietfund.com.vn/san-pham/BVFFVND>”.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

We commit that the information published above is true and are fully responsible before the law for the content of the published information.

Tài liệu đính kèm/Attachments:

*Báo cáo tổng kết hoạt động
Quản lý Quỹ BVFVND 06 tháng
đầu năm 2026/First semi – annual
summary report on Fund
Management activities in 2026 of
BVFVN DIAMOND ETF*

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
BAO VIET FUND MANAGEMENT CO., LTD
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
AUTHORIZED PERSON TO DISCLOSE INFORMATION



Nguyễn Tiến Hải

Số: 750 /2026/BVF-QLQ

Hà Nội, ngày 13.. tháng 08 năm 2026
Hanoi, August 13., 2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
FIRST SEMI-ANNUAL SUMMARY REPORT
ON FUND MANAGEMENT ACTIVITIES OF 2026

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)
(Based on Appendix XXV attached to Circular No. 98/2020/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ/INFORMATION ABOUT THE FUND:

- Tên quỹ/ <i>Fund name:</i>	Quỹ ETF BVFVN DIAMOND/ BVFVN DIAMOND ETF Viết tắt/ <i>Abbreviation:</i> BVFVND
- Loại hình quỹ/ <i>Fund type:</i>	Quỹ Hoán đổi danh mục/ <i>Exchange Traded Fund</i>
- Mục tiêu đầu tư/ <i>Investment objectives:</i>	Mô phỏng gần nhất có thể biến động của chỉ số tham chiếu/ <i>The closest simulation of the possible fluctuations of the reference index.</i>
- Thời gian hoạt động/ <i>Operation period:</i>	Được tính từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép thành lập Quỹ 29/06/2023, và không giới hạn về thời hạn hoạt động/ <i>Calculated from the date the Fund is granted a license to establish the Fund by the State Securities Commission on June 29, 2023, and there is no limit on the term of operation.</i>
- Benchmark:	Chỉ số tham chiếu VNDIAMOND/ <i>VNDIAMOND Reference Index</i>
- Chính sách phân chia lợi nhuận/ <i>Profit distribution policy:</i>	Lợi nhuận có thể được phân chia dưới hình thức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư)/ <i>Profits may be distributed in cash or in the form of fund certificates, as decided by the Investors' General Meeting (or by the Board of Representatives of the Fund under the authorization of the Investors' General Meeting).</i>

- Số lượng đơn vị quỹ tại ngày 30/06/2026/ <i>Number of fund units as of June 30, 2026:</i>	Ba mươi bảy (37) Lô Chứng chỉ quỹ ETF, tương đương ba triệu bảy trăm nghìn (3.700.000) Chứng chỉ quỹ ETF/<i>Thirty-seven (37) Lots of ETF Fund Certificates, equivalent to three million seven hundred thousand (3,700,000) ETF Fund Certificates.</i>
- Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo/<i>Amendments to the Fund Charter during the reporting period:</i>	- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ liên quan đến giá Dịch vụ đại lý chuyển nhượng và cập nhật những nội dung khác của Điều lệ Quỹ, đảm bảo tuân thủ theo điều lệ mẫu được quy định trong Thông tư 98/2020/TT-BTC và những quy định khác của pháp luật (<i>Các nội dung chi tiết đã được báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại Công văn số 71/2026/BVF-QLQ ngày 23/01/2026</i>)/ <i>Amendment and supplementation of the Fund Charter in relation to the Transfer Agency Service Fees, as well as updates to other provisions of the Fund Charter, to ensure compliance with the model charter prescribed under Circular No. 98/2020/TT-BTC and other applicable laws and regulations (the detailed amendments were reported to the State Securities Commission of Vietnam in Official Letter No. 71/2026/BVF-QLQ dated 23 January 2026).</i> - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ để cập nhật các quy định của Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 (Thông tư 136) của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2026 (<i>Các nội dung chi tiết đã được báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại Công văn số 389/2026/BVF-QLQ ngày 22/04/2026</i>)/ <i>Amendment and supplementation of the Fund Charter to update the provisions of Circular No. 136/2025/TT-BTC dated 29 December 2025 (the "Circular 136") of the Ministry of Finance amending and supplementing a number of articles of Circular No. 98/2020/TT-BTC on the operation and management of securities investment funds, effective from 12 February 2026 (the detailed amendments were reported to the State Securities Commission of Vietnam in Official Letter No. 389/2026/BVF-QLQ dated 22 April 2026).</i>

- Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo/<i>Contents of the resolution of the Investors' Meeting during the reporting period:</i>	Đại hội Nhà đầu tư bất thường năm 2026: - Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ ETF BVFVN DIAMOND (liên quan đến giá Dịch vụ đại lý chuyên nhượng và cập nhật những nội dung khác của Điều lệ Quỹ, đảm bảo tuân thủ theo điều lệ mẫu được quy định trong Thông tư 98/2020/TT-BTC và những quy định khác của pháp luật)/<i>Approve amendments and additions to the Charter of the BVFVN DIAMOND ETF Fund (in relation to the Transfer Agency Service Fees and updates to other provisions of the Fund Charter, to ensure compliance with the model charter prescribed under Circular No. 98/2020/TT-BTC and other applicable laws and regulations).</i> Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026: - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ ETF BVFVN DIAMOND (BVFVND) / <i>Approval of the audited 2025 Financial Report of BVFVN DIAMOND ETF Fund (BVFVND).</i> - Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận Quỹ năm 2025/<i>Approval of the plan of not distributing Fund profits in 2025.</i> - Thông qua Ngân sách hoạt động năm 2026 của Ban Đại diện Quỹ/<i>Approval of the Fund Representative Board's Operating Budget for 2026.</i> - Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán trong Tờ trình của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt và lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVFVND năm 2026/<i>Approval of the list of auditing companies in the Proposal of Bao Viet Fund Management Company Limited and selecting Ernst & Young Vietnam Company Limited as the auditing company for the financial statements of BVFVND Fund in 2026.</i> - Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ (để cập nhật các quy định của Thông tư 136)/<i>Approval of the amendments and supplementations to the Fund Charter (to update the provisions of Circular No. 136/2025/TT-BTC).</i>
---	--

- Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại TT hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán/ <i>Comments of the Supervisory Bank on the contents specified in the Circular guiding the operation and management of securities investment funds:</i>	- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan/ <i>In the process of monitoring the Fund's investment activities and asset transactions for the six-month accounting period ending June 30, 2026, the Fund has complied with the investment limit limits prescribed in current securities legal documents on Exchange-traded Funds, the Fund's Prospectus and related legal documents.</i> - Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF BVFVN DIAMOND đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan/ <i>The valuation and assessment of assets of the BVFVN DIAMOND ETF Fund have been in accordance with the Fund Charter, the Fund's Prospectus and related legal documents.</i> - Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan/ <i>During the period, the Fund has conducted Fund Certificate swap transactions in accordance with the Fund Charter, the Fund's Prospectus and relevant legal documents.</i> - Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư/ <i>In the fiscal year ending December 31, 2026, the Fund did not distribute profits to investors.</i>
--	--

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ/REPORT ON FUND PERFORMANCE RESULTS

- a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất/ *Information on the fund's investment portfolio and net asset value as of December 31 of the last 3 years:*
 - Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư)/ *The fund's investment portfolio*

is distributed by industry, sector and product type (calculated by total investment portfolio value):

❖ Theo tài sản/By assets:

Cơ cấu tài sản Quỹ/ <i>Fund's Asset Structure</i>	30/6/2026 (%)	31/12/2025 (%)	31/12/2024 (%)
Cổ phiếu/ <i>Stocks</i>	98,59	98,55	98,10
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn/ <i>Current and Term Deposits</i>	1,38	1,45	1,90
Tài sản khác/ <i>Other assets</i>	0,03	0	0
Tổng cộng/<i>Total</i>	100,00	100,00	100,00

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ/*Fund's net asset value*:

	30/6/2026	31/12/2025	31/12/2024
GTTSR/ <i>NAV</i>	54.976.267.238	59.120.405.381	55.308.118.597

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/*Net asset value per fund unit*:

	30/6/2026	31/12/2025	31/12/2024
GTTSR/CCQ/ <i>NAV per fund certificate</i>	14.858,45	15.978,48	14.181,56

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành/*Number of fund certificates in circulation*:

	30/6/2026	31/12/2025	31/12/2024
Số CCQ/ <i>Number of fund certificates</i>	3.700.000	3.700.000	3.900.000

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất và thấp trong năm/*Highest and lowest net asset value per unit during the year*:

	6Tháng năm 2026 <i>FH2026</i> (VNĐ/CCQ)	Năm 2025/ <i>Year of 2025</i> (VNĐ/CCQ)	Năm 2024/ <i>Year of 2024</i> (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ cao nhất/ <i>Highest NAV per fund certificate</i>	16.908,24	16.983,15	14.337,08

GTTSR/CCQ thấp nhất/ <i>Lowest NAV per fund certificate</i>	14.343,38	10.893,82	11.118,60
--	-----------	-----------	-----------

- Tổng lợi nhuận của quỹ/*Total turn of the Fund:*

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	6Tháng năm 2026 <i>FH2026 (VNĐ)</i>	Năm 2025/ <i>Year of 2025 (VNĐ)</i>	Năm 2024/ <i>Year of 2024 (VNĐ)</i>
Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (<i>giá trị lãi vốn/chênh lệch đánh giá lại</i>)/ <i>Income from stock price growth (capital gains/revaluation difference)</i>	(4.682.466.224)	3.975.352.500	7.804.880.910
Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (<i>cổ tức, tiền gửi...</i>)/ <i>Income from stock returns (dividends, deposits, etc.)</i>	703.147.756	1.231.522.220	1.232.215.828
Chênh lệch mua bán chứng khoán/ <i>Securities trading difference</i>	603.639.374	3.036.450.650	4.555.789.940
Thu nhập khác/ <i>Other types of income</i>	0	0	0
Tổng chi phí/ <i>Total expenses</i>	(768.459.049)	(1.466.529.910)	(1.367.252.991)
Tổng lợi nhuận/<i>Total profit</i>	(4.144.138.143)	6.776.795.460	12.225.633.687

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (*giá trị thuần và giá trị gộp*) trong kỳ báo cáo/*Distributed profit per fund unit (net value and gross value) in the reporting period*: không có/*none*
- Thời điểm phân chia lợi nhuận trong kỳ báo cáo/*Timing of profit distribution in the reporting period*: không có/*none*.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận trong 03 năm gần nhất/*Net asset value per fund unit before and after the timing of profit distribution in the last 3 years*:

	30/06/2026	31/12/2025	31/12/2024
GTTSR tại kỳ định giá ngày (trước khi ghi nhận giá trị lợi nhuận được phân chia) <i>GTTSR at valuation date (before recording the value of distributed profits)</i>	14.858,45 VNĐ/CCQ	15.978,48 VNĐ/CCQ	14.181,56 VNĐ/CCQ

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ/*Fund operating expense ratio and explanation of fund operating expense difference:*

	6 Tháng 2026/ FH2026	Năm 2025/ Year 2025	Năm 2024/ Year of 2024
Tỷ lệ chi phí cuối kỳ/Expense ratio at the end of the period	2,76%	2,65%	2,57%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục/*Portfolio turnover rate and explanation of portfolio turnover rate discrepancy:*

	6 Tháng 2026/ FH2026	Năm 2025/ Year of 2025	Năm 2024/ Year of 2024
Tốc độ vòng quay danh mục cuối kỳ/ Portfolio turnover rate at the end of the period	16,20%	20,78%	49,73%

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo/*Information on loans, deferred payment items, repo/ reverse repo transactions: không có/none.*

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ/*Fund profit indicators:*

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định/
Average annual total profit of the fund arising during the reporting period:

- Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm)/*Within 12 months (1 year), up to the reporting date (or from the fund establishment date to the reporting date if the fund has been operating for less than 1 year):* 3,52 tỷ VNĐ/*VND 3,52 billion.*
- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm)/*Within 36*

months (3 years), up to the reporting date (or from the fund establishment date to the reporting date if the fund has been operating for less than 3 years): 3,38 tỷ VND/VND 3.38 billion.

- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm)/*Within 60 months (5 years), up to the reporting date (or from the fund establishment date to the reporting date if the fund has been operating for less than 5 years): 3,38 tỷ VND/VND 3.38 billion.*

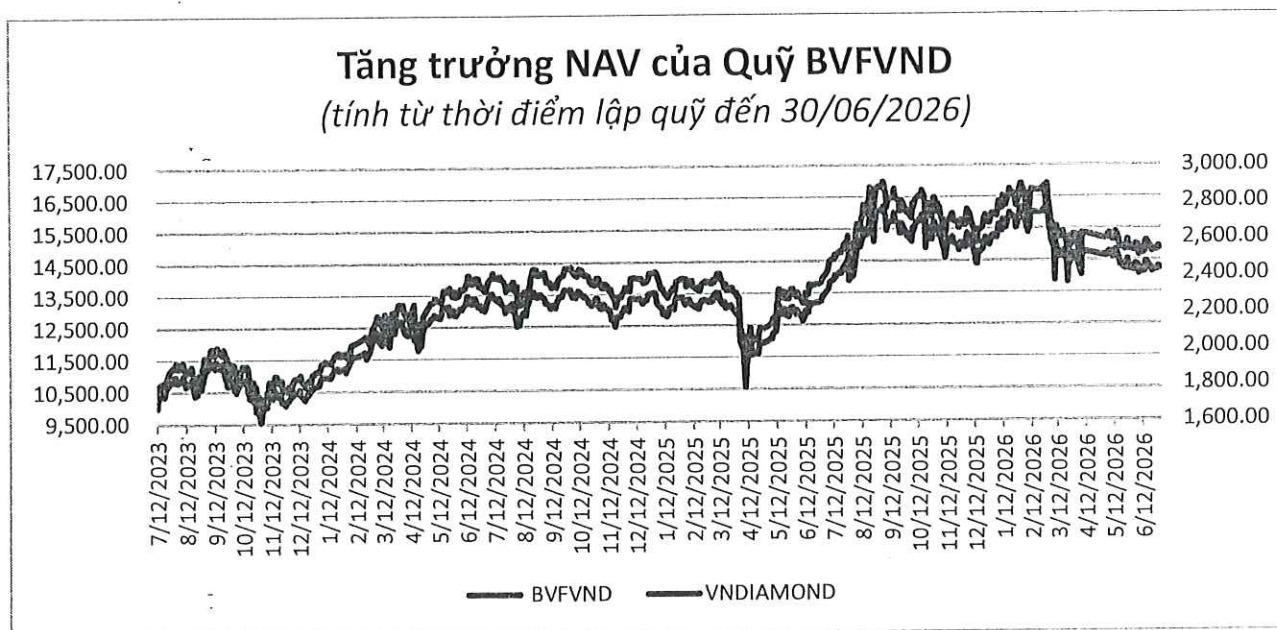
c. Các chỉ tiêu so sánh khác/*Other comparison criteria:*

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác/*The method and principles for determining asset value and profit value are consistent, have been announced and appraised by another independent organization: Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định tại Phụ lục 5 Điều lệ Quỹ hiện hành và chi tiết hơn tại Sổ tay định giá do Công ty Quản lý quỹ xây dựng và Ban đại diện Quỹ phê duyệt/The method for determining the value of assets is prescribed in Appendix 5 to the current Fund Charter and further detailed in the Valuation Manual prepared by the Fund Management Company and approved by the Fund's Board of Representatives.*
 - Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập/*Data provided by an independent organization: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường/Securities prices are provided by independent and reputable quotation service organizations in the market.*
- d. Báo cáo khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư/*The report recommends that information on the previous performance of the fund is for reference only and does not mean that the investment will guarantee profitability for investors.*

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ/REPORT ON ASSET MANAGEMENT ACTIVITIES OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY:

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có)/*Explanation of changes in the Fund Management Company (if any): không có/none.*

- b. Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư/*Explanation of the Fund's Achievement of Its Investment Objectives*: NAV trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày 30/06/2026 là 14.858,45VNĐ/CCQ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ đạt 54.976.267.238 đồng. Tăng trưởng NAV của Quỹ tiếp tục bám sát tăng trưởng chỉ số VNDIAMOND/*NAV per fund certificate as of June 30, 2026 is VND 14.858,45/unit. The Fund's net asset value is VND 54.976.267.238. The Fund's NAV growth continues to closely follow the growth of the VNDIAMOND index.*
- c. Kết quả lợi nhuận của quỹ (bằng đồ thị)/*Fund's profit results (by graph)*: (cập nhật/updated)



- d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị)/*Comparison of the fund's profit results with the profit of the reference portfolio, the underlying index announced in the Prospectus in the last five (05) years, up to the reporting date (by graph)*: không có/none.
- e. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo/*Describe the investment strategies and tactics that the fund used during the reporting period*:

Chiến lược đầu tư/*Investment strategy*:

Mô tả/ Description	Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động trên cơ sở mô phỏng chỉ số VN DIAMOND để đạt được mục tiêu đầu tư. Khi danh mục chứng
-----------------------	--

khoản của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi, Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỉ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ Số Tham Chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

The Fund applies a passive investment strategy based on simulating the VN DIAMOND index to achieve its investment objectives. When the securities portfolio of the benchmark index changes, the Fund will adjust the Fund's portfolio to match the portfolio of the benchmark index in terms of structure and asset weight. The Fund will aim to achieve results similar to the Benchmark Index and will not implement a defensive strategy when the market is down or realize profits when the market is overvalued. Passive investment aims to minimize costs and more closely mimic the benchmark index by maintaining a lower investment turnover ratio than funds using an active investment strategy.

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu, tỉ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số VN DIAMOND và giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của VN DIAMOND. Danh mục đầu tư có mức sai lệch so với chỉ số VN DIAMOND không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HSX và các quy định của pháp luật./The Fund's investment portfolio must be consistent with the VN DIAMOND index portfolio in terms of structure and asset weight, including at least 50% of the underlying securities forming the VN DIAMOND index and the value of the underlying securities portfolio must not be lower than 95% of the value of the corresponding securities portfolio of VN DIAMOND. The investment portfolio's deviation from the VN DIAMOND index must not exceed the maximum deviation as prescribed by HSX and the provisions of law.

Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm./The Fund is allowed to invest in sectors and industries that are not prohibited by law.

Quỹ được phép đầu tư vào các chứng khoán cơ cấu của chỉ số VN DIAMOND và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam/*The Fund is allowed to invest in the underlying securities of the VN DIAMOND index and the following financial assets in Vietnam:*

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng/*Deposits at commercial banks as prescribed by law on banking;*
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật/*Money market instruments including valuable papers and transfer instruments as prescribed by law;*
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương/*Government debt instruments, government-guaranteed bonds, local government bonds;*
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng/*Listed stocks, stocks registered for trading, bonds listed on the Stock Exchange, public fund certificates, shares offered to the public, bonds offered to the public;*
- e) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán của Việt Nam và chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu/*Derivative securities listed and traded on Vietnam's Stock Exchanges and only for the purpose of hedging risks and minimizing deviations from the reference index;*
- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán Quỹ đang nắm giữ/*Rights arising from securities held by the Fund.*

- f. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo/*Describe the difference in the fund's portfolio structure at the reporting date, compared with the fund's portfolio in the year immediately preceding the reporting date:*

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ/ <i>Fund's portfolio structure</i>	30/06/2026 (%)	31/12/2025 (%)	31/12/2024 (%)
---	-------------------	-------------------	-------------------

Cổ phiếu/ <i>Stocks</i>	98,59	98,55	98,10
Tiền gửi thanh toán và tài sản khác/ <i>Current deposits and other assets</i>	1,41	1,45	1,90

g. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (*sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có*)/*Analysis of fund performance based on comparison of net asset value per fund unit (after adjusting for distributed profits, if any):* không có/*none*.

h. Đánh giá biến động của thị trường/*Assessment of market fluctuations:*

Kinh tế vĩ mô/*Macroeconomics:*

- Tăng trưởng GDP Quý II/2026 ước đạt 8,39% YoY và là mức tăng trưởng rất tích cực trong bối cảnh quốc tế bất ổn do xung đột Mỹ - Iran. Tính chung 1H2026, GDP tăng 8,18% YoY, là mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 10 năm 2016 – 2026/*2026 GDP growth is estimated at 8.39% YoY, representing a highly positive growth rate amid global uncertainty arising from the US-Iran conflict. In 1H2026, GDP grew by 8.18% YoY, marking the highest growth rate recorded over the 10-year period from 2016 to 2026.*
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tích cực nhờ khu vực FDI; cán cân thương mại nhập siêu kỷ lục: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Quý II/2026 ước đạt 143,6 tỷ USD tăng 22,7% YoY, 1H2026 đạt 266,52 tỷ USD tăng 21% YoY; trong đó khu vực FDI tăng trưởng 26% YoY, chiếm 80% tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trong Quý II/2026 ước đạt 156,6 tỷ USD tăng 39,1% YoY, 1H2026 là 283,2 tỷ USD tăng 33,4% YoY. Cán cân thương mại nhập siêu 16,65 tỷ USD (cùng kỳ xuất siêu 7,95 tỷ USD), nhập siêu hoàn toàn đến từ khu vực nội địa (24,95 tỷ USD). Mỹ và Trung Quốc vẫn tiếp tục thị trường xuất khẩu và nhập khẩu duy trì quy mô vượt trội so với các thị trường còn lại/*Positive merchandise export growth driven by the FDI sector; record trade deficit: Merchandise exports in Q2 2026 are estimated at USD 143.6 billion, up 22.7% YoY, while 1H2026 exports reached USD 266.52 billion, up 21% YoY. Of this, exports by the FDI sector grew by 26% YoY and accounted for 80% of total export turnover. Merchandise imports in Q2 2026 are estimated at USD 156.6 billion, up 39.1% YoY, while 1H2026 imports reached USD 283.2 billion, up 33.4% YoY. The trade balance recorded a deficit of USD 16.65 billion, compared with a surplus of USD 7.95 billion in the same period last year. The entire trade deficit originated from the domestic sector, which recorded a deficit of USD 24.95 billion. The United States and China continued to be the*

dominant export and import markets, maintaining significantly larger trade volumes than other markets.

- Vốn đầu tư từ NSNN trong 1H2026 ước đạt 335,6 nghìn tỷ, tăng 12,7% YoY, trong đó vốn chi cho đầu tư công tính đến 30/6/2026 là 356,9 nghìn tỷ, đạt 35% kế hoạch Thủ tướng chính phủ giao/*State budget investment capital in 1H2026 is estimated at VND 335.6 trillion, up 12.7% YoY. Of this, public investment disbursement as of 30 June 2026 reached VND 356.9 trillion, equivalent to 35% of the plan assigned by the Prime Minister.*
- FDI đăng ký và FDI giải ngân 1H2026 ghi nhận mức tăng trưởng tích cực dù bối cảnh quốc tế bất định. FDI đăng ký đạt 34,65 tỷ USD, tăng 61% YoY, trong đó đăng ký mới là 17,4 tỷ, tăng 87,2% YoY. FDI giải ngân ước đạt 13,03 tỷ USD, tăng 11,2% YoY, là số giải ngân cao nhất của 06 tháng đầu năm trong 5 năm qua/*Registered and disbursed FDI recorded strong growth in 1H2026 despite the uncertain global environment. Total registered FDI reached USD 34.65 billion, up 61% YoY, of which newly registered FDI amounted to USD 17.4 billion, up 87.2% YoY. Disbursed FDI is estimated at USD 13.03 billion, up 11.2% YoY, marking the highest six-month disbursement level in the past five years.*
- Tính chung 1H2026, CPI bình quân tăng 4,38% YoY và lạm phát cơ bản tăng 4,12% YoY/*In 1H2026, average CPI increased by 4.38% YoY, while core inflation increased by 4.12% YoY.*
- Tỷ giá chịu áp lực trong phần lớn Quý II/2026 do chính sách tiền tệ “điều hâu” của Fed và môi trường vĩ mô bất định. Tuy nhiên tỷ giá được hỗ trợ bởi môi trường lãi suất cao trong nước và hoạt động giải ngân mạnh mẽ từ khu vực FDI. Đến ngày 01/07/2026, tỷ giá liên ngân hàng ở mức 26.302 đồng (+0,02% YTD), tỷ giá trung tâm là 25.206 đồng (+0,34% YTD)/*The exchange rate came under pressure for most of Q2 2026 due to the Fed's hawkish monetary policy and an uncertain macroeconomic environment. However, the exchange rate was supported by the high domestic interest rate environment and strong FDI disbursements. As of 1 July 2026, the interbank exchange rate stood at VND 26,302 (+0.02% YTD), while the central exchange rate stood at VND 25,206 (+0.34% YTD).*

Thị trường tiền tệ/Money market:

- Quý II/2026 chứng kiến nhiều thay đổi quan trọng trong chính sách điều hành của Ngân hàng nhà nước: (1) Tính lại 20% tỷ lệ Tiền gửi Kho bạc (TGKB) vào hệ số LDR (*quay về tương tự năm 2025*). (2) Nới lỏng tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn từ 30% lên 40% và để mở linh hoạt việc điều chỉnh tỷ lệ TGKB tính vào LDR do thống đốc Ngân hàng nhà

nước quyết định từng thời kỳ/Q2 2026 saw several significant changes in the State Bank of Vietnam's monetary and regulatory policies: (1) Reintroducing 20% of Treasury deposits into the Loan-to-Deposit Ratio (LDR) calculation, reverting to a treatment similar to that applied in 2025; and (2) increasing the limit on the use of short-term funding for medium- and long-term lending from 30% to 40%, while allowing flexibility in adjusting the proportion of Treasury deposits included in the LDR calculation, as determined by the Governor of the State Bank of Vietnam from time to time.

- Kể từ sau cuộc họp chính sách tiền tệ trong tháng 4/2026, Ngân hàng nhà nước đã chủ động hơn trong việc hỗ trợ và điều tiết thanh khoản trên thị trường 2 so với giai đoạn đầu năm. Lãi suất interbank dần ổn định và giảm so với quý trước dù vẫn còn những thời điểm giật cục do tiền bị rút khỏi hệ thống (thực hiện nghĩa vụ đi thuế) và xử lý kỹ thuật của các NHTM thời điểm cuối tháng. Lãi suất interbank Overnight giao dịch quanh ngưỡng 5 - 6%/năm, có thời điểm đột biến lên 10%. Với các kỳ hạn dài trên 3 tháng, lãi suất vẫn ở mặt bằng cao quanh ngưỡng 8%/năm/Following the monetary policy meeting in April 2026, the State Bank of Vietnam became more proactive in supporting and managing liquidity in the interbank market compared with the beginning of the year. Interbank interest rates gradually stabilized and declined from the previous quarter, although volatility persisted at times due to liquidity outflows from the banking system related to tax payments and technical adjustments by commercial banks at month-end. The overnight interbank interest rate generally traded around 5–6% per annum, with occasional spikes to 10%. For tenors longer than three months, interest rates remained elevated at around 8% per annum.
- Áp lực thanh khoản cùng với tình trạng mất cân đối trong hệ thống NHTM khiến nhu cầu huy động trên thị trường 1 là khá lớn trong Quý II.2026. Lãi suất huy động tiền gửi dù giảm nhẹ từ cuối tháng 4/2026 (sau giai đoạn tăng liên tiếp từ Quý 4/2025) nhờ tác động của các biện pháp hành chính từ Ngân hàng nhà nước nhưng lãi suất huy động qua kênh FiBond và Fi CD vẫn liên tục tăng và mặt bằng lãi suất kỳ hạn 1 năm bình quân đã vượt trên 8%/năm. Kể từ sau cuộc họp chính sách tiền tệ ngày 09/4/2026, Ngân hàng nhà nước đã quyết liệt chỉ đạo các NHTM giảm lãi suất huy động và cho vay, đồng thời tăng cường thanh tra, giám sát trên toàn hệ thống. Tại thời điểm cuối tháng 6/2026, lãi suất huy động bình quân niêm yết tại quầy của các NHTM lớn kỳ hạn 6 tháng là 5,63% (+54bps YTD), kỳ hạn 12 tháng là 6,11% (+53bps YTD)/Liquidity pressures, coupled with imbalances within the

commercial banking system, resulted in strong funding demand in the primary market during Q2 2026. Deposit rates edged down from late April 2026, following a period of consecutive increases since Q4 2025, partly due to administrative measures by the State Bank of Vietnam. However, funding rates through the FiBond and Fi CD channels continued to rise, with the average one-year deposit rate exceeding 8% per annum. Following the monetary policy meeting on 9 April 2026, the State Bank of Vietnam took decisive measures to direct commercial banks to reduce both deposit and lending rates, while strengthening inspections and supervision across the banking system. As of end-June 2026, the average posted over-the-counter deposit rates at major commercial banks were 5.63% for six-month tenors (+54 bps YTD) and 6.11% for 12-month tenors (+53 bps YTD).

- Tính đến ngày 29/6/2026, huy động vốn tăng 5,4% YTD, tín dụng tăng 7,73% YTD, dư nợ nền kinh tế vượt 20 triệu tỷ và tăng thêm 1,4 triệu tỷ so với cuối 2025. Chênh lệch tín dụng – huy động (tính thêm phần phát hành giấy tờ có giá) tính đến hết Quý II/2026 là hơn 1,4 triệu tỷ/*As of 29 June 2026, deposit growth reached 5.4% YTD, while credit growth reached 7.73% YTD. Total outstanding credit to the economy exceeded VND 20 quadrillion, increasing by approximately VND 1.4 quadrillion from the end of 2025. The credit–deposit gap, including funds raised through the issuance of valuable papers, exceeded VND 1.4 quadrillion as of the end of Q2 2026.*

Thị trường cổ phiếu/Stock market:

- Quý II/2026 chứng kiến xu hướng tăng điểm của chỉ số VNI sau giai đoạn giảm sâu do xung đột khu vực Trung Đông nổ ra. Mặc dù vậy nếu nhìn xa hơn về dữ liệu lịch sử, VNI vẫn đang “sideway” trong một biên độ rộng hình thành từ Quý III/2025. Tại ngày 30/6/2026, VNI đóng cửa ở mức 1.860đ tăng 186đ so với cuối Quý I/2026 (+11,1%), nếu so với đầu năm VNI tăng 76đ (+4,2%). Trong Quý II/2026, thị trường được hỗ trợ phần lớn nhờ căng thẳng Trung Đông hạ nhiệt. Mặc dù vậy, thị trường có sự suy giảm ở hầu hết các nhóm ngành, động lực chính đến từ nhóm Bất động sản (+46,6% QoQ) và Ngân hàng (+8,5% QoQ)/*Q2 2026 witnessed an upward trend in the VN-Index (VNI) following a sharp decline triggered by the outbreak of the Middle East conflict. Nevertheless, from a longer-term historical perspective, the VNI remained in a broad sideways range that had formed since Q3 2025. As of 30 June 2026, the VNI closed at 1,860, up 186 points from the end of Q1 2026 (+11.1%) and up 76 points from the beginning of the year (+4.2%). During Q2 2026, the market was largely supported by the easing of tensions in the Middle East. Nevertheless, most sectors experienced*

declines, with the main gains driven by the Real Estate sector (+46.6% QoQ) and the Banking sector (+8.5% QoQ).

- Thanh khoản bình quân phiên các tháng Quý II/2026 đạt 19,8 nghìn tỷ giảm mạnh so với Quý I/2026 (31 nghìn tỷ) dù cao hơn so với cùng kỳ. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng các tháng trong Quý, nối dài chuỗi bán ròng từ đầu năm. Mức bán ròng khớp lệnh trong Quý II/2026 là 38,5 nghìn tỷ chỉ thấp hơn mức bán ròng kỷ lục trong Quý III/2025/*Average daily trading liquidity in Q2 2026 stood at VND 19.8 trillion, a significant decline from VND 31 trillion in Q1 2026, although remaining higher than the same period last year. Foreign investors continued to be net sellers throughout the quarter, extending the net selling trend that began at the start of the year. Net selling through order matching in Q2 2026 amounted to VND 38.5 trillion, the second-highest quarterly level on record, surpassed only by the record net selling level in Q3 2025.*
- Trong Quý II/2026, P/E của chỉ số VNI vận động trong khoảng 14,7 – 17,4 và P/B ở khoảng 2,0 – 2,2. Theo dữ liệu Bloomberg, tính tại ngày 30/6/2026, P/E của chỉ số VNI là 15,3 so với Mean là 16,9 và Median là 16,4 trong giai đoạn 2016 – 2026/*During Q2 2026, the VNI's P/E ratio ranged from 14.7 to 17.4, while its P/B ratio ranged from 2.0 to 2.2. According to Bloomberg data, as of 30 June 2026, the VNI's P/E ratio stood at 15.3; compared with a mean of 16.9 and a median of 16.4 over the 2016–2026 period.*
- Về diễn biến thị trường, VIC và VHM là 2 cổ phiếu có tác động lớn nhất tới chỉ số VNI trong Quý II/2026 và đóng góp tới 99% mức tăng của VNI trong Quý (tương đương 196đ). Động lực thứ hai là nhóm cổ phiếu ngân hàng: LPB, VCB, TCB, STB, BID... đóng góp hơn 30đ. Ở chiều ngược lại nhóm cổ phiếu dầu khí diễn biến trái chiều (BSR, GAS, PLX) tác động làm giảm hơn 8đ. Tương tự như giai đoạn trước, nhóm cổ phiếu Vin Group với giá trị vốn hóa tăng mạnh tiếp tục bóp méo vận động và định giá của chỉ số VNI trong Quý II/2026/*In terms of market performance, VIC and VHM were the two stocks with the largest impact on the VNI in Q2 2026, contributing approximately 99% of the index's quarterly gain (equivalent to 196 points). The banking sector was the second-largest contributor, with LPB, VCB, TCB, STB, BID, and others contributing more than 30 points. In contrast, oil and gas stocks, including BSR, GAS, and PLX, performed divergently and weighed on the index by more than 8 points. Similar to the previous period, the Vin Group stocks, whose market capitalizations increased sharply, continued to distort the performance and valuation of the VNI in Q2 2026.*

Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với loại tài sản là cổ phiếu/*Information on investment returns for asset types such as stocks:*

TT/ No.	Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Số tiền/ Amount
1	Cổ tức được chia/ <i>Dividends distributed</i>	-4.144.138.143
2	Lãi bán các khoản đầu tư/ <i>Gains from sale of investments</i>	603.639.374
3	Chênh lệch tăng/giảm đối với các khoản đầu tư chưa thực hiện/ <i>Increase/decrease in unrealized investments</i>	-4.862.466.224
4	Thu nhập khác (lãi tiền gửi thanh toán)/ <i>Other income (interest on payment deposits)</i>	519.256
5	Chi phí giao dịch mua/bán cổ phiếu/ <i>Transaction costs for buying/selling shares</i>	13.875.878

- i. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có)/*Information on the division and separation of fund units during the period (if any):* không có/*none.*
- j. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/*Cases affecting the interests of investors holding fund certificates:* không có/*none.*
- k. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có)/*Information on transactions with related parties (if any):* không có/*none.*
- l. Các thông tin khác (nếu có)/*Other information (if any):* không có/*none.*

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có)/*Explanation of the change of the Supervisory Bank (if any):* không có/*none.*
- b. Việc lưu ký tài sản của quỹ/*Custody of the fund's assets:* tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan/*complied with current securities laws and relevant legal documents.*
- c. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch/*Investment complies with investment restrictions and borrowing restrictions as prescribed by law, regulations in the Fund Charter and Prospectus:* Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ ETF, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan/*Bao Viet Fund Management Company Limited has*

complied with the investment limits prescribed in current securities laws on ETF funds, the Fund's Prospectus and relevant legal documents.

- d. Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch/*The determination of net asset value is in accordance with legal regulations, regulations in the Fund Charter and Prospectus.*
- e. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ, hoán đổi chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch/*The issuance of additional fund certificates, repurchase of fund certificates, and exchange of fund certificates are in accordance with legal regulations, regulations in the Fund Charter and Prospectus.*

- Chi tiết về việc phát hành CCQ/*Details of Fund certificate issuance*

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2025 <i>Total number of Fund certificates as of 31December2025</i>	3.700.000 CCQ/ <i>Fund certificates</i>
Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ/ <i>Total number of additional Fund certificates issued during the period</i>	0 CCQ/ <i>Fund certificates</i>
Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ/ <i>Total number of Fund certificates repurchased during the period</i>	0 CCQ/ <i>Fund certificates</i>
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2026 <i>Total number of Fund certificates as of 30June2026</i>	3.700.000 CCQ/ <i>Fund certificates</i>

- f. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: trong giai đoạn báo cáo, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư/*The fund's profit distribution is consistent with the fund's investment objectives: during the reporting period, the fund did not generate profit distribution activities for investors.*

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN/REPORT ON AUTHORIZATION ACTIVITIES:

- a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ/*Expenses payable to the authorized party compared to the profit, income, and total operating expenses of the fund:*

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)/ Indicators (from 01/01/2026 to 30/06/2026)	Số tiền hoặc tỷ lệ/ Amount or rate
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)/ <i>Total Authorization Costs in the Period (VND)</i>	266.357.489
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận/ <i>% Total Authorization Costs/Profit</i>	-6,43%
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập/ <i>% Total Authorization Costs/Income</i>	-7,89%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Tổng chi phí/% <i>Total Authorization Costs/Total Costs</i>	34,66%

- b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ/*Impacts (if any) of the authorization activities on the profit and risk level of the fund: không có/none.*
- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ)./*Total costs of authorization activities payable to the authorized party (in case the authorized party provides many services to the fund management company).*

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2026)/ Indicators (from 01/01/2025 to 30/06/2026)	Số tiền/Amount
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)/ <i>Total authorization costs during the period (VND)</i>	266.357.489
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ/ <i>Fund administration service costs:</i>	99.000.000
Chi phí trả cho NH LK/ <i>Costs paid to custodian banks:</i>	134.357.489
Chi phí trả cho ĐLCN/ <i>Costs paid to transfer agents:</i>	33.000.000

- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Theo đánh giá của BVF, các đơn vị nhận ủy quyền đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên

ng nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ BVFVND được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ./Assess the ability to maintain the internal control system, risk management, confidentiality, technical infrastructure, hot backup system, disaster backup system... of the authorized party, ensuring that the authorized activities are carried out smoothly, without affecting the investment activities of investors: According to BVF's assessment, all authorized service providers are reputable and experienced institutions in the market, with highly qualified and professional staff, internationally standardized software systems, and independently established and operated functional departments and divisions... Therefore, the ability to maintain the internal control system, risk management, confidentiality, technical infrastructure, hot backup system, disaster backup system of the authorized parties for BVFVND Fund is guaranteed to operate smoothly, without affecting the investment activities of investors as well as the fund management company.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong 06 tháng đầu năm 2026 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ ETF BVFVN DIAMOND (BVFVND)/Above is the first Semi-Annual Summary Report on Fund Management Activities of FH2026 of Bao Viet Fund Management Company Limited for BVFVN DIAMOND ETF Fund (BVFVND).

Trân trọng./Sincerely./

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC

AUTHORIZED BY GENERAL DIRECTOR

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ

HEAD OF FUND MANAGEMENT DIVISION



Nguyễn Thị Kim Thúy